

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Số 688/QĐ-ĐHTN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 28 tháng 5 năm 2014

## QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định Quản lý hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài  
tại Đại học Thái Nguyên**

### GIÁM ĐỐC ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp; Thông tư 26/2013/TT-BGDĐT ngày 15/7/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Chỉ thị số 2244/BGDĐT-GD&ĐT ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc liên kết, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ bên ngoài cơ sở đào tạo; Công văn số 628/BGDĐT-TTr ngày 14/02/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc chấn chỉnh hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài;

Theo đề nghị của Trưởng ban Hợp tác quốc tế:

## QUYẾT ĐỊNH

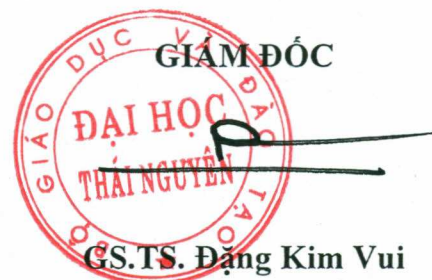
**Điều 1:** Ban hành Quy định Quản lý hoạt động liên kết đào tạo với nước ngoài (LKĐT-VNN) tại Đại học Thái Nguyên (ĐHTN).

**Điều 2:** Quy định này thay thế Quyết định 165/2012/QĐ-ĐHTN ngày 24/02/2012; Quyết định 1559/2009/QĐ-ĐHTN ngày 11/12/2009 của Giám đốc ĐHTN về Quản lý chương trình LKĐTQT tại ĐHTN và có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3:** Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Các ông (bà) Chánh Văn phòng, Trưởng các Ban chức năng của ĐHTN, Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc ĐHTN chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

#### Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Ban GD (chỉ đạo);
- Các CSGDTV (T/H);
- Các Ban chức năng (T/H);
- Lưu: VP, HTQT.



**QUY ĐỊNH**  
**QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI (LKĐTVNN)**  
**TẠI ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN (ĐHTN)**

*(Kèm theo QĐ số 687 /QĐ-ĐHTN, ngày 28 tháng 5 năm 2014 của Giám đốc ĐHTN về việc ban hành Quy định Quản lý hoạt động LKĐTTVNN tại ĐHTN)*

**I. CĂN CỨ**

Căn cứ Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/3/2014 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT) ban hành Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp; Thông tư 26/2013/TT-BGDĐT ngày 15/7/2013 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về trình tự, thủ tục công nhận văn bằng của người Việt Nam do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp ban hành kèm theo Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

Căn cứ Chỉ thị số 2244/BGDĐT-GD&DH ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc liên kết, tổ chức đào tạo trình độ thạc sĩ bên ngoài cơ sở đào tạo; Công văn số 628/BGDĐT-TTr ngày 14/02/2011 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc chấn chỉnh hoạt động LKĐTVNN;

**II. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI TẠI ĐHTN**

**1. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH, ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG**

a. Quy định này được áp dụng cho các chương trình LKĐTVNN ở các bậc Trung học, Cao đẳng, Đại học, Thạc sĩ, Tiến sĩ.

b. Quy định này áp dụng cho người Việt Nam, người nước ngoài theo học chương trình LKĐTVNN tại ĐHTN do cơ sở giáo dục nước ngoài cấp bằng hoặc hai bên cùng cấp bằng.

c. Quy định này áp dụng đối với tổ chức cá nhân (bao gồm cả phía Việt Nam và phía nước ngoài) hoạt động hợp tác, đầu tư trong lĩnh vực giáo dục tại ĐHTN không vì lợi nhuận.

d. Quy định này áp dụng đối với chương trình LKĐTVNN toàn bộ thời gian hoặc bán phần tại ĐHTN; Hoạt động tư vấn, dịch vụ tuyển sinh du học toàn thời gian ở nước ngoài không nằm trong quy định này.

## **2. GIẢI THÍCH TỪ NGỮ**

a. LKĐTVNN là hình thức hợp tác đào tạo giữa cơ sở giáo dục thành viên (viết tắt là CSGDTV) thuộc ĐHTN với cơ sở giáo dục nước ngoài (CSGDNN) nhằm thực hiện chương trình đào tạo để cấp văn bằng, chứng chỉ mà không thành lập tư cách pháp nhân mới.

b. Liên kết đào tạo (LKĐT) là hợp tác về đào tạo giữa CSGDTV với CSGDNN;

c. Cơ sở giáo dục (CSGD) là đơn vị thực hiện chức năng đào tạo đã được Bộ GD&ĐT, Chính phủ nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Việt Nam cho phép và công nhận; Trong văn bản này, CSGD đồng nghĩa với Đơn vị đào tạo.

d. CSGDNN được hiểu là trường Đại học, Cao đẳng, Viện Nghiên cứu của nước ngoài đang hoạt động hợp pháp tại nước ngoài hoặc tại Việt Nam.

e. Hồ sơ hợp lệ là hồ sơ có đầy đủ giấy tờ, thủ tục hành chính theo quy định tại Điều 11 của văn bản này (Phụ lục I: hướng dẫn chi tiết kèm theo).

f. CSGDTV là đơn vị thành viên thực hiện chức năng đào tạo trực thuộc ĐHTN, theo Thông tư 08/2014/TT-BGDĐT ngày 20/03/2014 về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên.

## **3. ĐIỀU KIỆN LIÊN KẾT ĐÀO TẠO VỚI NƯỚC NGOÀI**

### **Điều 1. Các cơ sở giáo dục nước ngoài**

Các CSGDNN được phép đàm phán ký kết hợp tác LKĐT với các CSGDTV trực thuộc ĐHTN, CSGDNN gồm:

a. CSGDNN đang hoạt động hợp pháp tại Việt Nam có đủ yêu cầu về điều kiện kiểm định chất lượng tại Điều 2.

b. CSGD đang hoạt động hợp pháp ở nước ngoài đáp ứng yêu cầu kiểm định chất lượng tại Điều 2.

### **Điều 2. Kiểm định chất lượng giáo dục và lựa chọn đối tác**

CSGDTV được quyền đàm phán ký kết hợp tác LKĐT với các CSGDNN đang hoạt động hợp pháp tại nước ngoài hoặc tại Việt Nam; CSGDNN phải có đủ điều kiện sau đây:

a. Được nước có CSGDNN đó công nhận hợp pháp.

b. Được Bộ GD&ĐT nước đó hoặc cơ quan chủ quản trực tiếp của CSGDNN đó có thông báo bằng văn bản cho phép LKĐT với CSGDTV của ĐHTN (áp dụng đối với những nước có quy định này).

c. CSGDNN có chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của một trong các tổ chức kiểm định sau đây: nước có cơ sở giáo dục đó cho phép; kiểm định quốc tế hợp pháp hoặc kiểm định của Bộ GD&ĐT Việt Nam (đối với CSGDNN đang hoạt động tại Việt Nam).

d. Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục của CSGDNN đối với Chương trình LKĐT với các CSGDTV phải được xếp hạng từ trung bình khá trở lên; Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục chưa quá 5 năm kể từ ngày hai bên có hồ sơ đề án xin mở LKĐT.

e. Trong quá trình thực hiện LKĐTVNN, CSGDTV có trách nhiệm chủ động phối hợp với CSGDNN định kỳ đăng ký kiểm định chất lượng giáo dục với một trong các tổ chức kiểm định tại khoản c Điều 2 và đáp ứng được điều kiện khoản f tại Điều 2 này.

f. Tổ chức kiểm định quốc tế hợp pháp là tổ chức có uy tín được Bộ GD&ĐT Việt Nam công nhận; Danh mục các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục được công bố và cập nhật hàng năm trên trang thông tin điện tử của Bộ GD&ĐT (Điều 8 khoản 1 và 2 của Quyết định số 77/2007/QĐ-BGDĐT ngày 20/12/2007).

### **Điều 3. Phạm vi liên kết đào tạo**

a. CSGDTV chỉ được LKĐT trong phạm vi ngành nghề, trình độ đào tạo mà CSGDTV đang được phép thực hiện.

b. CSGDNN chỉ được LKĐT trong phạm vi ngành nghề, trình độ đào tạo mà CSGDNN đang được phép đào tạo ở nước đó.

c. LKĐT với nước ngoài mở ngành đặc thù, ngành mới.

Việc LKĐTVNN mở ngành mới, ngành đặc thù như an ninh, quốc phòng, chính trị và tôn giáo...không thuộc quyền của ĐHTN, ĐHTN sẽ xin ý kiến chỉ đạo của Bộ GD&ĐT, ra quyết định cấp phép sau khi được Bộ GD&ĐT đồng ý.

Mở LKĐTVNN ngành đặc thù, ngành mới chỉ được thực hiện nếu xã hội thực sự có nhu cầu cần thiết, hồ sơ phải có minh chứng sự cần thiết đó, có đề án chi tiết trình Giám đốc ĐHTN, đề án cần nêu rõ lý do mở, tính cấp thiết và nhu cầu xã hội, có phụ lục minh chứng ít nhất 2 cơ sở giáo dục trên thế giới và trong khu vực đã thực hiện có hiệu quả, kinh nghiệm đào tạo của một số nước trên thế giới, kèm theo chương trình đào tạo đã được kiểm định chất lượng.

### **Điều 4. Hình thức liên kết, chương trình đào tạo được phép triển khai**

a. Hình thức LKĐT: chỉ được LKĐT với CSGDNN theo hình thức đào tạo trực tiếp (face to face).

b. Chương trình đào tạo: theo chương trình đào tạo trực tiếp (Full time) của CSGDNN hoặc chương trình do hai bên xây dựng dựa trên khung chương trình đào tạo (Full time) gốc của CSGDNN, có minh chứng khung chương trình gốc.

c. Mô hình LKĐTVNN: thực hiện toàn bộ chương trình tại Việt Nam hoặc một phần chương trình tại Việt Nam, một phần chương trình tại nước ngoài; Cấp văn bằng chứng chỉ của Việt Nam, của nước ngoài hoặc hai bên cùng ký tùy theo quy định của từng Chương trình mà 2 bên đã ký kết thỏa thuận.

## **Điều 5. Điều kiện liên kết đào tạo**

### **1. Đội ngũ giảng viên**

Điều kiện giảng viên được áp dụng cho tất cả các bên đối tác tham gia:

a. LKĐT trình độ cao đẳng thì giảng viên phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên và phù hợp với chuyên ngành giảng dạy.

b. Đối với LKĐT trình độ đại học thì giảng viên phải có bằng thạc sĩ trở lên và phù hợp với chuyên ngành giảng dạy.

c. Đối với LKĐT trình độ thạc sĩ thì giảng viên giảng dạy các môn học, chuyên đề, hướng dẫn luận văn thạc sĩ và tham gia Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ phải có bằng tiến sĩ; Trường hợp đối với giảng viên hướng dẫn thực hành, thực tập thì giảng viên phải có bằng thạc sĩ trở lên.

d. Đối với LKĐT trình độ tiến sĩ thì giảng viên phải có bằng tiến sĩ đúng chuyên ngành hoặc ngành phù hợp với học phần sẽ đảm nhiệm trong chương trình đào tạo trình độ tiến sĩ.

e. Giảng viên giảng dạy tại các chương trình LKĐT phải có từ 5 năm kinh nghiệm giảng dạy trong cùng lĩnh vực.

f. Giảng viên giảng dạy trong chương trình LKĐTVNN phải có trình độ ngoại ngữ đáp ứng yêu cầu giảng dạy của chương trình (học đại học, thạc sĩ, tiến sĩ ở nước ngoài) hoặc có trình độ ngoại ngữ không thấp hơn C1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về năng lực ngoại ngữ hoặc quy đổi tương đương.

### **2. Cơ sở vật chất, thiết bị**

a. Cơ sở vật chất, thiết bị sử dụng trong LKĐT phải phù hợp với yêu cầu của ngành, nghề đào tạo, không làm ảnh hưởng tới hoạt động đào tạo chung của CSGDTV; CSVC bao gồm: phòng học, phòng làm việc của giáo viên, phòng máy tính, phòng thực hành, phòng thí nghiệm, thư viện và các trang thiết bị cần thiết khác. Diện tích trung bình dùng trong giảng dạy, học tập ít nhất là 5 m<sup>2</sup>/sinh viên.

b. CSGDTV và CSGDNN phải cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu phục vụ cho việc học tập, nghiên cứu của sinh viên, học viên và nghiên cứu sinh.

### **3. Tài chính thực hiện**

a. Tài chính thực hiện chương trình LKĐTVNN được thực hiện theo nguyên tắc lấy thu để chi và được hạch toán độc lập.

b. CSGDTV thực hiện LKĐT với CSGDNN có trách nhiệm thực hiện đầy đủ quy định thu – chi tài chính, chế độ sổ sách kế toán, nộp các khoản thuế, các khoản trích nộp khác theo quy định hiện hành, chịu sự kiểm tra, kiểm toán của các cơ quan nhà nước và ĐHTN.

## **Điều 6. Chương trình, quy mô đào tạo, ngôn ngữ giảng dạy**

a. Chương trình đào tạo của chương trình liên kết: Chương trình đào tạo của nước ngoài thực hiện tại Việt Nam phải là chương trình đã được kiểm định chất lượng ở nước ngoài, là chương trình của CSGDNN đã được tổ chức kiểm định chất lượng hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục.

b. Quy mô tuyển sinh đào tạo của chương trình liên kết: Quy mô tuyển sinh hàng năm được xác định bởi các điều kiện đảm bảo chất lượng chương trình bao gồm cơ sở vật chất, thiết bị, phòng học, phòng thí nghiệm, đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, các điều kiện này không được trùng với các điều kiện đã được sử dụng để tính toán chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm của CSGDTV.

c. Lập kế hoạch tuyển sinh hàng năm: Hàng năm, CSGDTV lập kế hoạch tuyển sinh trình Giám đốc ĐHTN phê duyệt; Căn cứ điều kiện đào tạo được quy định tại khoản b Điều 6 của quy định này, Giám đốc ĐHTN xem xét phê duyệt chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm đối với cả bậc tiến sĩ, thạc sĩ, đại học, cao đẳng và trung học.

d. Ngôn ngữ sử dụng: Ngôn ngữ sử dụng trong giảng dạy của chương trình LKĐTVNN do nước ngoài cấp văn bằng hoặc 2 bên cùng ký cấp văn bằng là ngoại ngữ, không giảng dạy bằng tiếng Việt hoặc thông qua phiên dịch.

## **Điều 7. Đối tượng tuyển sinh vào theo học chương trình LKĐTVNN**

### **1. Đối tượng tuyển sinh phải đáp ứng điều kiện sau đây**

a. Trường hợp văn bằng do CSGDTV hoặc ĐHTN cấp thì phải tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam và Quy định của ĐHTN về điều kiện tiếp nhận vào học trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ.

b. Trường hợp văn bằng do CSGDNN cấp thì phải tuân thủ quy định của CSGDNN về điều kiện tiếp nhận vào học trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ và tiến sĩ; Các điều kiện tiếp nhận phải tương ứng với điều kiện quy định tại nước có CSGDNN đó đồng thời đúng với quy định của Bộ GD&ĐT Việt Nam.

c. Trường hợp cấp văn bằng 2 bên cùng ký thì đối tượng tuyển sinh phải đáp ứng đồng thời mục a, b khoản 1 Điều 7 này.

d. Trường hợp tuyển sinh không đúng chuyên ngành thì người học phải học bổ sung kiến thức những môn học còn thiếu theo quy định của trường đối tác và quy định hiện hành của Bộ GD&ĐT Việt Nam.

đ. Sinh viên, học viên, nghiên cứu sinh (NCS) người nước ngoài theo học chương trình LKĐTVNN tại ĐHTN có quyền lợi, nghĩa vụ và trách nhiệm như đối với sinh viên, học viên, NCS người Việt Nam.

## **2. Trình độ ngoại ngữ đầu vào**

a. Đối với LKĐT trình độ trung cấp, cao đẳng: đối tượng tuyển sinh phải có trình độ B1 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về năng lực ngoại ngữ hoặc văn bằng chứng chỉ IELTS; TOEFL; TOEIC được quy đổi tương đương;

b. Đối với LKĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ: đối tượng tuyển sinh phải có trình độ B2 theo Khung tham chiếu chung Châu Âu về năng lực ngoại ngữ hoặc văn bằng chứng chỉ khác được quy đổi tương đương;

c. Đối với đối tượng dự tuyển vào học các chương trình liên kết mà chưa có đủ trình độ ngoại ngữ theo quy định thì CSGDTV có thể tổ chức các khoá đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ để đạt trình độ ngoại ngữ theo quy định (gọi là *đào tạo nguồn*).

d. Chứng chỉ ngoại ngữ hợp lệ là các chứng chỉ quốc tế (IELTS, TOEIC, TOFEL, Cambridge Test ...) được quy đổi tương đương với trình độ B1, B2 (phụ lục III), hoặc chứng chỉ ngoại ngữ được cấp bởi Trung tâm khảo thí quốc gia hoặc một trong số các trung tâm khảo thí ngoại ngữ được Bộ GD&ĐT công nhận. (ĐHTN sẽ có quy định cụ thể và cập nhật thông tin trên Website).

e. Chương trình LKĐTVNN học bằng ngoại ngữ không phải là tiếng Anh thì yêu cầu trình độ ngoại ngữ đầu vào cũng được quy chuẩn tương đương như quy định đối với chương trình học bằng tiếng Anh.

### **Điều 8. Kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận tốt nghiệp**

1. Việc kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, môn đôn, chương trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp do ĐHTN hoặc CSGDTV cấp văn bằng chứng chỉ thì thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

2. Việc kiểm tra, thi, đánh giá, công nhận hoàn thành chương trình môn học, môn đôn, chương trình đào tạo, công nhận tốt nghiệp do CSGDNN cấp văn bằng, chứng chỉ thì thực hiện theo quy định của pháp luật nước có CSGDNN đó; Các quy định này phải được thể hiện rõ trong hồ sơ đề án liên kết.

#### **3. Trình độ ngoại ngữ đầu ra**

a. Có chứng chỉ tiếng Anh B2 quốc tế (đối với đại học và sau đại học), B1 quốc tế (đối với cao đẳng và trung cấp) hoặc các chứng chỉ ngoại ngữ được Bộ GD&ĐT công nhận đối với các chương trình LKĐTQT;

b. Đối với học viên chuyên ngữ, trình độ tiếng Anh phải cao hơn học viên không chuyên một bậc năng lực.

#### **4. Công nhận tốt nghiệp, cấp Bằng tốt nghiệp của chương trình liên kết**

a. Việc công nhận tốt nghiệp, văn bằng chứng chỉ do CSGDNN cấp thì tuân thủ quy định của pháp luật nước đó và được Giám đốc ĐHTN phê duyệt trong hồ sơ đề án.

b. Việc công nhận tốt nghiệp, văn bằng chứng chỉ do ĐHTN hoặc CSGDTV cấp thì tuân thủ quy định của Việt Nam.

c. Trường hợp công nhận tốt nghiệp, cấp văn bằng chứng chỉ do hai bên cùng ký thì tuân thủ quy định của nước ngoài và phải phù hợp với quy định của Bộ GD&ĐT Việt Nam.

#### **4. LẬP ĐỀ ÁN, THẨM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐỀ ÁN LKĐTVNN**

##### **Điều 9. Lập đề án LKĐTVNN**

ĐHTN ưu tiên xét duyệt những hồ sơ đề án LKĐTVNN thuộc các ngành kỹ thuật, y tế, giáo dục; Ưu tiên LKĐT với các CSGD thuộc nước có nền giáo dục tiên tiến, có danh tiếng trong khu vực và trên thế giới như Anh, Mỹ, Đức, Singapore, Đài Loan, Nhật Bản, Úc...

##### **1. Hồ sơ liên kết đào tạo**

a. Việc lập đề án, thẩm định, phê duyệt đề án được áp dụng với các ngành, các bậc đào tạo trung học, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ.

b. Hồ sơ LKĐT phải thể hiện rõ được ngành đào tạo, trình độ đào tạo ở bậc cao đẳng, đại học, thạc sĩ hay tiến sĩ; Thời gian đào tạo toàn thời gian hay bán phần tại ĐHTN.

##### **Hồ sơ LKĐT gồm các mục sau:**

a. Đơn đề nghị phê duyệt Đề án LKĐT với nước ngoài do hai bên liên kết cùng ký, có đóng dấu (với nước có quy định).

b. Thỏa thuận hợp tác (MOU/MOA/ Hợp đồng đào tạo) giữa các bên liên kết.

c. Giấy tờ chứng minh tư cách pháp lý của các bên liên kết: Bản sao có chứng thực quyết định thành lập hoặc cho phép thành lập cơ sở giáo dục hoặc các tài liệu tương đương khác như thông báo đồng ý cho mở ngành...

d. Giấy tờ chứng minh được phép đào tạo trong lĩnh vực dự định liên kết (ngành đào tạo, bậc đào tạo của cả 2 bên đối tác).

e. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục hoặc chứng nhận chất lượng của cơ quan có thẩm quyền đối với chương trình LKĐT của CSGDNN.

f. Văn bản của cơ quan chủ quản CSGDNN chấp thuận cho phép LKĐT với ĐHTN hoặc CSGDTV thuộc ĐHTN theo quy định của nước có CSGDNN đó (như Đài Loan, Trung Quốc, Hàn Quốc...).

**2. Các nội dung chủ yếu của đề án LKĐTVNN gồm:** Sự cần thiết, mục tiêu của chương trình LKĐT; Ngành/ chuyên ngành đào tạo; Trình độ đào tạo; điều kiện cơ sở vật chất, thiết bị; Chương trình đào tạo, nội dung giảng dạy; Danh sách giảng viên dự kiến tham gia giảng dạy kèm lý lịch cá nhân; Đối tượng tuyển sinh, tiêu chí tuyển sinh; Quy mô đào tạo; hình thức tổ chức kiểm tra, đánh giá; Văn bằng, chứng chỉ sẽ được cấp, tính tương đương của văn bằng nước ngoài đối với văn bằng của hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam; Biện pháp đảm bảo chất lượng và quản lý rủi ro; Danh sách và quyết định bộ phận phụ trách chương trình liên kết, lý lịch cá nhân của người đại diện đơn vị đào tạo của cả 2 phía; mức học phí, lệ phí; Mức hỗ trợ tài chính của cá



nhân, tổ chức Việt Nam và nước ngoài (nếu có); Dự toán sử dụng kinh phí, cơ chế quản lý tài chính; Trách nhiệm và quyền hạn của các bên liên kết; Trách nhiệm và quyền hạn của nhà giáo; Trách nhiệm và quyền hạn của người học (Hướng dẫn chi tiết xem phụ lục I).

### **3. Trình tự các bước trình, thẩm định, phê duyệt đề án**

Thực hiện cải cách hành chính một cửa, từ năm 2014 Giám đốc ĐHTN giao cho Ban Hợp tác Quốc tế (HTQT) làm đầu mối tiếp nhận và xử lý hồ sơ đề án xin mở LKĐTVNN; Trình tự xây dựng, thẩm định phê duyệt được hồ sơ đề án thực hiện theo các bước sau:

**Bước 1:** CSGDTV chuẩn bị các văn bản pháp lý, xây dựng đề án LKĐTVNN trình Giám đốc ĐHTN phê duyệt; Hồ sơ đề án được đóng quyển in thành 5 bộ.

**Bước 2:** Sau khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ban HTQT sẽ chuyển hồ sơ tới các Ban chức năng đọc góp ý kiến; Ban HTQT tập hợp các ý kiến đóng góp của các Ban chức năng và phản hồi lại cho đơn vị đào tạo biết để chỉnh sửa, bổ sung hoàn thiện.

**Bước 3:** Sau khi bổ sung hoàn thiện hồ sơ theo ý kiến phản hồi, CSGDTV đóng quyển hồ sơ in thành 5 bộ gửi trả lại Ban HTQT để chuyển tới các Ban chức năng kiểm tra lại.

a. Trường hợp hồ sơ đạt yêu cầu, Ban HTQT hoàn tất thủ tục trình Giám đốc ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ đề án.

b. Trường hợp hồ sơ chưa đạt yêu cầu, Ban HTQT gửi phản hồi ý kiến của các Ban chức năng để CSGDTV tiếp tục bổ sung hoàn thiện.

**Bước 4:** Thẩm quyền phê duyệt, thẩm định và phê duyệt hồ sơ đề án

a. Phê duyệt Đề án LKĐT trình độ trung cấp, cao đẳng, đại học, thạc sĩ, tiến sĩ tổ chức tại ĐHTN thuộc thẩm quyền Giám đốc ĐHTN được quy định tại khoản đ Điều 16 của Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

b. Giám đốc ĐHTN ra quyết định thành lập Hội đồng thẩm định hồ sơ đề án, Hội đồng thẩm định có trách nhiệm xem xét các điều kiện thực hiện LKĐTVNN theo quy định tại Nghị định 73/2012/NĐ-CP ngày 26/09/2012 của Thủ tướng Chính phủ quy định về Hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục.

c. Trường hợp Hồ sơ đề án được Hội đồng thẩm định thông qua: Ban HTQT chịu trách nhiệm tập hợp hồ sơ, biên bản thẩm định, kết luận của Hội đồng, soạn thảo văn bản trình Giám đốc Đại học phê duyệt và ra quyết định cấp phép mở LKĐTVNN.

d. Trường hợp Hồ sơ đề án chưa được Hội đồng thẩm định thông qua: Ban HTQT sẽ thông báo cho CSGDTV bằng văn bản ngay sau khi có kết luận của Hội đồng, nói rõ lý do chưa được thông qua; Sau khi CSGDTV đáp ứng được yêu cầu về điều kiện LKĐTVNN theo kết luận của Hội đồng, Hội đồng thẩm định kiểm tra lại nếu

đã đạt yêu cầu thì Ban HTQT sẽ hoàn tất thủ tục trình Giám đốc ĐHTN phê duyệt và ra quyết định cấp phép mở LKĐTVNN.

## **5. ĐĂNG KÝ MẪU BẰNG TỐT NGHIỆP**

Việc đăng ký mẫu bằng tốt nghiệp được áp dụng đối với chương trình LKĐTVNN mà văn bằng chứng chỉ cấp cho người học do 2 bên cùng ký.

### **Điều 10: Hồ sơ, trình tự, thủ tục đăng ký mẫu bằng tốt nghiệp**

#### **1. Hồ sơ đăng ký**

Hồ sơ đăng ký mẫu bằng được đóng thành quyển và nộp cùng đề án xin mở LKĐTVNN; Hồ sơ đề nghị đăng ký mẫu bằng tốt nghiệp gồm:

- a. Văn bản đề nghị đăng ký mẫu bằng tốt nghiệp;
- b. Mẫu văn bằng: trong trường hợp sử dụng mẫu văn bằng chứng chỉ nước ngoài thì phải có xác nhận của cơ quan chủ quản CSGDNN về tính hợp pháp đối với mẫu văn bằng chứng chỉ đó;
- c. Bản sao Khung chương trình giảng dạy của trường đối tác có xác nhận hoặc chứng thực kèm văn bản phê duyệt của cơ quan quản lý trực tiếp CSGDNN cho phép CSGDNN mở liên kết với CSGDTV của ĐHTN.

#### **2. Trình tự, thủ tục đăng ký**

- a. Hồ sơ đăng ký mẫu bằng được đóng quyển in thành 5 bộ và được nộp cùng đề án xin mở LKĐTVNN (2 bộ nộp cho ĐHTN, 3 bộ nộp cho Bộ GD&ĐT).
- b. Giám đốc ĐHTN sẽ xem xét và ra quyết định công nhận mẫu văn bằng, chứng chỉ và cấp giấy chứng nhận đăng ký cùng với Quyết định cấp phép mở LKĐTVNN.
- c. Trường hợp mẫu bằng tốt nghiệp không được cấp Giấy chứng nhận đăng ký, ĐHTN có công văn trả lời, trong đó nêu rõ lý do.

## **6. GIA HẠN CHƯƠNG TRÌNH LKĐTVNN**

### **Điều 11. Thời hạn hoạt động và gia hạn chương trình LKĐTVNN**

#### **1. Thời hạn hoạt động của chương trình liên kết**

- a. Giám đốc ĐHTN có quyền gia hạn thời gian hoạt động của chương trình LKĐTVNN theo quy định hiện hành.
- b. Thời hạn hoạt động của chương trình LKĐTVNN không quá 5 năm kể từ ngày được cấp phép và có thể được gia hạn, mỗi lần gia hạn không quá 5 năm và phải gia hạn trước 6 tháng kể từ ngày giấy phép hết hạn.

#### **2. Điều kiện gia hạn**

- a. Trong quá trình thực hiện không vi phạm các quy định về LKĐTVNN, không vi phạm pháp luật Việt Nam và pháp luật nước ngoài, không vi phạm các quy định của ĐHTN.

b. Chương trình đào tạo hoặc CSGDNN tiếp tục đáp ứng được các điều kiện về kiểm định chất lượng giáo dục quy định tại khoản b,c,d Điều 2 và khoản a,b,c,d Điều 6 của Quy định này.

### **3. Hồ sơ gia hạn**

**Hồ sơ gia hạn gồm có:**

a. Văn bản đề nghị xin gia hạn tiếp tục thực hiện chương trình LKĐTVNN (Mẫu số 9A/XGH - LK).

b. Báo cáo kết quả thực hiện chương trình liên kết (Mẫu số 9B/BCGH - LK).

c. Thỏa thuận hợp tác, Hợp đồng còn hiệu lực giữa các bên liên kết.

d. Các tài liệu bổ sung khác như Đề án LKĐTVNN bổ sung, sửa đổi (nếu có) đóng dấu giáp lai của CSGDTV kèm bản phô tô Quyết định cấp phép lần trước, các văn bản thỏa thuận bổ sung giữa các bên liên kết (nếu có).

### **4. Quy trình thủ tục gia hạn**

Trước sáu (06) tháng kể từ ngày chương trình LKĐTVNN hết hiệu lực, CSGDTV phải nộp hồ sơ xin gia hạn tại Ban HTQT; Hồ sơ đóng quyển in thành 04 bộ.

Sau khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ, Ban HTQT gửi hồ sơ xin ý kiến thẩm định của các Ban liên quan và tập hợp ý kiến trình Giám đốc.

ĐHTN sẽ xem xét và cấp phép gia hạn hoặc có công văn trả lời không được gia hạn và nêu rõ lý do không được gia hạn; Thời gian trả lời không quá 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được hồ sơ đầy đủ hợp lệ.

## **7. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH LKĐTVNN TẠI ĐHTN**

**Điều 12: Tuyển sinh, đào tạo, công nhận tốt nghiệp bậc đại học, cao đẳng, trung học**

### **1. Tổ chức tuyển sinh**

a. CSGDTV được phép thành lập hội đồng tuyển sinh, thông báo tuyển sinh, xét tuyển, công nhận trúng tuyển đối với LKĐTVNN bậc đại học trở xuống; Số lượng tuyển sinh được căn cứ vào chỉ tiêu cấp phép hàng năm được Giám đốc ĐHTN phê duyệt.

b. Thành phần hội đồng tuyển sinh LKĐTVNN là các cán bộ giảng viên có trình độ, có kinh nghiệm; Số lượng thành viên và thành phần hội đồng tuyển sinh tùy theo thỏa thuận của các bên tham gia nhưng phải được thể hiện rõ bằng văn bản.

c. Hàng năm, CSGDTV lập báo cáo Giám đốc ĐHTN về kết quả tuyển sinh LKĐTVNN, nội dung báo cáo gồm Quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, danh sách thành viên hội đồng, Biên bản xét tuyển, kết quả xét tuyển, danh sách trúng tuyển (mẫu số 10A/BCTS-LK và mẫu số 10B/BCTS-LK- phụ lục II), Báo cáo được in thành 04 bộ gửi về Ban HTQT.

## **2. Thực hiện kế hoạch đào tạo**

a. Căn cứ vào kết quả tuyển sinh hàng năm, ngay từ đầu năm học CSGDTV lập kế hoạch giảng dạy năm (*Phụ lục II- mẫu số 11//KHĐT-LK*), Kế hoạch phân công giảng viên bao gồm cả giảng viên người nước ngoài và giảng viên Việt Nam (*Phụ lục II- mẫu số 12/BCKHGV-LK*) báo cáo Giám đốc ĐHTN.

b. CSGDTV trực tiếp xây dựng kế hoạch đào tạo trình Hiệu trưởng phê duyệt, tổ chức thực hiện, quản lý đào tạo theo kế hoạch đã được phê duyệt; Trong quá trình thực hiện có thay đổi về giảng viên, kế hoạch đào tạo... thì CSGDTV phải thảo luận với đối tác đồng thời lập kế hoạch điều chỉnh trình Hiệu trưởng phê duyệt; Những thỏa thuận thay đổi đều phải được thể hiện bằng văn bản và trong lưu hồ sơ Chương trình.

c. Việc tổ chức thi và kiểm tra được tuân thủ quy trình về kiểm định chất lượng (có ngân hàng đề thi, biên bản bóc thăm đề thi, bảng điểm kết quả thi, kiểm tra với đầy đủ chữ ký của giảng viên, hướng dẫn viên ...).

## **3. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng**

a. Việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng được thực hiện theo đúng quy trình và phân cấp quản lý hiện hành, CSGDTV ra quyết định thành lập hội đồng thi, xét công nhận tốt nghiệp, cấp bằng và tổ chức phát bằng đối với bậc đại học trở xuống.

b. Văn bằng cấp phải đúng với mẫu đã được phê duyệt trong hồ sơ đề án.

c. Có sổ theo dõi cấp phát bằng theo quy định cấp bằng trong nước.

d. Quyết định công nhận tốt nghiệp kèm danh sách trích ngang sinh viên tốt nghiệp.

e. Ngay sau khi có Quyết định công nhận tốt nghiệp, CSGDTV phê duyệt Quyết định thành lập hội đồng thi kèm danh sách thành viên Hội đồng, Quyết định công nhận tốt nghiệp kèm danh sách trích ngang sinh viên tốt nghiệp gửi cho Ban HTQT, Ban Đào tạo, Ban Thanh tra-Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng giáo dục.

## **Điều 13. Tuyển sinh, đào tạo, công nhận tốt nghiệp bậc thạc sĩ và tiến sĩ**

Theo quy định phân cấp hiện hành việc tổ chức tuyển sinh, quản lý đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng đối với bậc đào tạo thạc sĩ, tiến sĩ chương trình LKĐTVNN thuộc thẩm quyền ĐHTN.

### **1. Tổ chức tuyển sinh**

a. Công tác tuyển sinh bậc thạc sĩ và tiến sĩ được thực hiện theo mục 2.3 tại Quy định về công tác quản lý đào tạo Sau Đại học tại ĐHTN ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHTN ngày 14/01/2010 của Giám đốc ĐHTN.

b. Học viên, NCS chưa đủ trình độ ngoại ngữ xét tuyển đầu vào (áp dụng theo mục d khoản 2 Điều 7 tại Quy định này).

c. Học viên, NCS không đúng chuyên ngành phải học bổ sung kiến thức các môn học còn thiếu theo quy định của CSGDNN và Bộ GD&ĐT Việt Nam.

d. Giám đốc chỉ ra quyết định công nhận học viên, NCS khi có đầy đủ kết quả học bổ sung kiến thức và đạt trình độ ngoại ngữ theo quy định hiện hành.

## **2. Thực hiện kế hoạch đào tạo**

a. Việc tổ chức triển khai kế hoạch đào tạo, quản lý đào tạo được thực hiện theo mục 3.2. tại Quy định về công tác quản lý đào tạo Sau đại học của ĐHTN ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHTN ngày 14/01/2010 của Giám đốc ĐHTN.

b. Ngay từ đầu năm học, CSGDTV lập kế hoạch đào tạo hàng năm theo mẫu số 11//KHĐT-LK -Phụ lục II, kế hoạch phân công giảng viên gồm cả giảng viên nước ngoài và giảng viên Việt Nam theo mẫu 12/BCKHGV-LK -Phụ lục II và báo cáo Giám đốc ĐHTN; Tổ chức giảng dạy và quản lý đào tạo theo kế hoạch.

d. Trong quá trình thực hiện nếu có sự thay đổi, điều chỉnh kế hoạch thì CSGDTV đàm phán lại với đối tác sau khi thống nhất ý kiến CSGDTV lập kế hoạch bổ sung trình Giám đốc phê duyệt; Những thay đổi, điều chỉnh đều phải thể hiện bằng văn bản và được lưu trữ trong hồ sơ thực hiện Chương trình.

## **3. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng**

a. Việc công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thực hiện theo mục 4.2. Quy định công tác quản lý đào tạo sau đại học ban hành theo Quyết định số 18/QĐ-ĐHTN ngày 14/01/2010 của Giám đốc ĐHTN.

b. Công nhận tốt nghiệp và cấp bằng thạc sĩ và tiến sĩ chỉ được thực hiện sau khi có Quyết định công nhận tốt nghiệp của ĐHTN và phía đối tác; Việc tổ chức phát bằng phải đảm bảo tuân thủ quy định tại khoản 3 mục b, c và d tại Điều 12 của quy định này.

c. Sau khi công nhận tốt nghiệp, Ban Sau Đại học phê duyệt Quyết định thành lập hội đồng thi kèm danh sách thành viên Hội đồng, Quyết định công nhận tốt nghiệp kèm danh sách trích ngang sinh viên tốt nghiệp gửi cho Ban HTQT, Ban Thanh tra-Khảo thí và Đảm bảo Chất lượng Giáo dục.

## **Điều 14. Quy định khác**

a. Địa điểm đặt lớp học: Được thực hiện theo Chỉ thị số 2244/BGDĐT-GDDH ngày 27/4/2010 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc chấn chỉnh LKĐT và Công văn 1433/ĐHTN ngày 21/12/2011 của Giám đốc ĐHTN.

b. Mở lớp đào tạo nguồn: Tùy theo điều kiện cụ thể và khả năng hợp tác với các đối tác trong và ngoài Đại học, CSGDTV có thể đặt lớp đào tạo nguồn ở ngoài khuôn viên ĐHTN nhưng trước khi thực hiện có báo cáo Giám đốc bằng văn bản kèm theo kế hoạch đào tạo.

a. CSGDTV được quyền hợp tác với các Viện, trường Đại học ngoài ĐHTN, Sở Giáo dục và Đào tạo các tỉnh, các Công ty tại Việt Nam thực hiện tuyển sinh đào tạo nguồn cung cấp sinh viên, học viên, NCS cho các chương trình LKĐTVNN.

b. CSGDTV được quyền thực hiện dịch vụ tư vấn, tuyển sinh du học nước ngoài 100% thời gian; Hoạt động dịch vụ tư vấn, tuyển sinh du học nước ngoài được thực hiện theo quy định về điều kiện, trình tự thủ tục đối với hoạt động dịch vụ tư vấn du học nước ngoài của Bộ GD&ĐT và ĐHTN.

c. CSGDTV được quyền liên kết với các CSGD không thuộc ĐHTN hoặc đặt địa điểm quảng cáo cho các CSGD nói trên để thực hiện dịch vụ tư vấn, tuyển sinh du học nước ngoài 100% thời gian thì không được phép sử dụng danh nghĩa của ĐHTN để thực hiện dịch vụ này (*danh nghĩa của ĐHTN được hiểu là bao gồm ĐHTN và CSGDTV*);

d. Trước khi ký kết hợp tác, CSGDTV tự chịu trách nhiệm xác định tư cách pháp nhân của CSGDNN, tình hình thực hiện nghĩa vụ, chấp hành các quy định liên quan của nhà nước ở nước sở tại cũng như ở Việt Nam.

#### **Điều 15. Chế độ báo cáo**

a. Thực hiện chế độ báo cáo năm đối với kế hoạch tuyển sinh, kế hoạch đào tạo, kế hoạch phân công giảng viên, công nhận tốt nghiệp và báo cáo tổng kết năm.

b. Thực hiện chế độ báo cáo theo tiến độ công việc đối với báo cáo kết quả tuyển sinh, giảng viên vào dạy, điều chỉnh kế hoạch đào tạo, thay đổi giảng viên, chuyển trường, chuyên ngành của sinh viên, học viên, NCS.

c. Thực hiện chế độ đăng ký thông tin sinh viên, học viên, NCS trúng tuyển chương trình LKĐTVNN và tốt nghiệp hàng năm tại Cục Đào tạo với nước ngoài, Cục Khảo thí và Đảm bảo chất lượng - Bộ GD&ĐT để làm cơ sở công nhận tương đương văn bằng khi người học có nhu cầu.

#### **Điều 16. Kiểm tra thực hiện, phối hợp các Ban, CSGDTV trong Đại học**

a. Căn cứ vào báo cáo và kế hoạch đào tạo hàng năm của CSGDTV, Giám đốc Đại học giao cho Ban Thanh tra - Khảo thí và Đảm bảo chất lượng giáo dục xây dựng dựng kế hoạch kiểm tra định kỳ, chủ trì và phối hợp các Ban liên quan thực hiện kiểm tra định kỳ tình hình triển khai kế hoạch tuyển sinh, đào tạo, công nhận tốt nghiệp và cấp bằng tại CSGDTV.

b. Các Ban chức năng của ĐHTN giám sát và hỗ trợ CSGDTV thực hiện tốt kế hoạch LKĐTVNN theo chức năng.

c. CSGDTV có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với Ban HTQT và các Ban chức năng để giải quyết kịp thời những phát sinh trong quá trình thực hiện.

d. Những phát sinh đột xuất, CSGDTV có văn bản kịp thời báo cáo Giám đốc ĐHTN và xin ý kiến chỉ đạo.

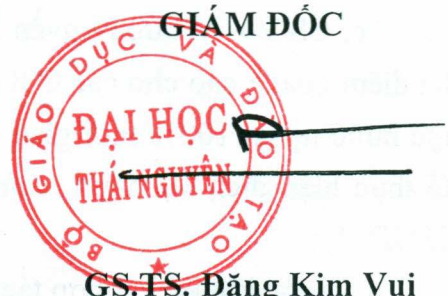
#### **Điều 17. Điều khoản thi hành**

Giao cho Ban HTQT làm đầu mối tiếp nhận các báo cáo và đôn đốc việc thực hiện các Quy định Quản lý LKĐTVNN.

Quy định có hiệu lực kể từ ngày ký; Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc gì đề nghị các đơn vị phản ánh bằng văn bản gửi về Ban HTQT để trình Giám đốc ĐHTN nghiên cứu bổ sung sửa đổi cho phù hợp.

**Nơi nhận:**

- Bộ GD&ĐT (b/c);
- Ban GD (chỉ đạo);
- Các CSGDTV (T/H);
- Các Ban chức năng (T/H);
- Lưu: VP, HTQT.



**PHỤ LỤC I**  
**LẬP HỒ SƠ ĐỀ ÁN XIN MỞ LKĐTQT**

Mẫu số 1A/HSLK

**1. Trình tự sắp xếp trong hồ sơ xin mở LKĐTQT**

Nội dung Hồ sơ cần được chia file và sắp xếp thứ tự theo các mục trong bảng sau.

Những mục bắt buộc phải có văn bản bằng cả 2 thứ tiếng thì sắp xếp bản tiếng Việt trước rồi đến bản gốc tiếng Anh (hoặc ngôn ngữ nước đối tác) kèm theo ngay sau bản tiếng Việt

STT	DANH MỤC HỒ SƠ (đóng thành quyển)	Ghi chú
1	<b>1. ĐƠN XIN PHÉP</b>	
	1.1. Đơn/ Công văn xin phép liên kết đào tạo (bản tiếng Việt) 1.2. Đơn xin phép liên kết đào tạo (bản tiếng Anh)	Mẫu 2/ĐMLK
2	<b>2. THỎA THUẬN, HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO</b>	
	2.1. Bản thỏa thuận hợp tác, Hợp đồng liên kết đào tạo (bản tiếng Việt) 2.2. Bản thỏa thuận hợp tác, Hợp đồng liên kết đào tạo (bản tiếng Anh)	Mẫu 3/HDLK
3	<b>3. VĂN BẢN XÁC NHẬN TƯ CÁCH PHÁP LÝ</b>	
	3.1. Quyết định thành lập Trường (bản sao hợp lệ) hoặc Quyết định cho phép mở ngành đào tạo của cơ sở giáo dục Việt Nam (bản sao hợp lệ) 3.2. Quyết định /Giấy phép thành lập cơ sở đào tạo nước ngoài (bản dịch tiếng Việt kèm phô tô bản gốc tiếng nước ngoài)	
	3.3. Chứng nhận chất lượng đào tạo, xếp hạng của cơ sở đào tạo nước ngoài kèm Bản dịch tiếng Việt	
	a. Văn bản của cơ quan chủ quản CSGDNN cho phép Trường mở chương trình LKĐTQT tại Đại học Thái Nguyên	
4	<b>4. PHẦN NỘI DUNG ĐỀ ÁN LIÊN KẾT ĐÀO TẠO</b>	
	<b>4.1. Sự cần thiết của chương trình hợp tác và liên kết đào tạo</b> ( <i>dự báo về nhu cầu nhân lực chuyên ngành dự định liên kết đào tạo, tính khả thi và hiệu quả của chương trình liên kết đào tạo</i> ).	
	<b>4.2. Cơ sở pháp lý:</b> <i>Luật đầu tư, luật giáo dục, các nghị định, thông tư, quyết định của chính phủ và các quyết định, quy định của ĐHTN liên quan tới LKĐTQT</i>	
	<b>4.3. Mục tiêu của đề án:</b> <i>Mục tiêu chung; Mục tiêu cụ thể</i>	
	<b>4.4. Tóm tắt các bên tham gia liên kết đào tạo:</b> + Tên trường, địa chỉ liên hệ, điện thoại, fax, email, website, Số quyết định/giấy phép thành lập trường, cho phép mở ngành. Số Tài khoản, tên ngân hàng, người đại diện, chức vụ ( áp dụng cho cả 2 bên);	
	<b>4.5. Nội dung liên kết và hoạt động liên kết đào tạo:</b> <i>Viết theo gợi ý tại hướng dẫn chi tiết</i>	



5	<b>5. CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO</b>	
	5.1. Chương trình đào tạo: Bản tiếng nước ngoài kèm bản dịch tiếng Việt 5.2. Đề cương chi tiết các môn học: Bản tiếng nước ngoài kèm bản dịch tiếng Việt 5.3. Cách thức tổ chức quản lý chương trình LKĐT, cơ chế đảm bảo chất lượng đào tạo, ngăn ngừa rủi ro	xem mục 4 hướng dẫn chi tiết
6	<b>6. VĂN BẰNG, CHỨNG CHỈ</b>	
	6.1. Bản sao hợp lệ Mẫu văn bằng, chứng chỉ, 6.2. Văn bản đăng ký mẫu văn bằng theo quy định tại nghị định 73 CP	Xem mục 7 hướng dẫn chi tiết
7	<b>7. CƠ SỞ VẬT CHẤT, TÀI CHÍNH</b>	
	7.1. <b>CSVCS:</b> Miêu tả cơ sở vật chất phục vụ chương trình liên kết đào tạo như nhà làm việc, giảng đường, máy móc thiết bị phục vụ dạy, học và thực hành; 7.2. <b>Năng lực tài chính của đối tác:</b> Phô tô bản cân đối tài chính 2 năm liền trong thời gian chưa quá 1 năm kể từ ngày lập đề án hoặc xác nhận tài chính của Ngân hàng nơi CSGDNN có tài khoản 7.3. <b>Dự kiến thu chi:</b> gồm bảng dự toán thu chi kèm theo phần thuyết trình cơ chế quản lý tài chính và các khoản đầu tư, trích nộp	Mẫu số 7/ KHTC-LK
8	<b>8. QUÁ TRÌNH HỢP TÁC CỦA CÁC BÊN LIÊN KẾT</b>	
	8.1. Tóm tắt sự hình thành, phát triển hợp tác của các bên liên kết 8.2. <b>Giới thiệu thông tin đầy đủ về CSGDNN (trường đối tác):</b> a) Lịch sử hình thành, phát triển, vị trí địa lý, CSVCS phục vụ đào tạo, các thế mạnh đào tạo và thành tích mà CSGDNN đã đạt được (bản tiếng nước ngoài kèm bản dịch tiếng Việt) b) Sứ mệnh, đội ngũ giảng viên, hợp tác quốc tế, các bậc học, các chuyên ngành đã và đang đào tạo (Bản tiếng nước ngoài kèm bản dịch tiếng Việt); 8.3. <b>Giới thiệu thông tin đầy đủ về đơn vị đào tạo - nơi đặt địa điểm thực hiện LKĐTQT:</b> a) Lịch sử hình thành phát triển, CSVCS phục vụ đào tạo, các thế mạnh đào tạo và thành tích đã đạt được; b) Sứ mệnh, đội ngũ giảng viên hợp tác quốc tế, các bậc học, các chuyên ngành đã và đang đào tạo;	
9	<b>9. GIẢNG VIÊN</b> gồm cả giảng viên nước ngoài và giảng viên Việt Nam	
	9.1. <b>Danh sách trích ngang:</b> Giảng viên dự kiến tham gia giảng dạy 9.2. <b>Lý lịch khoa học:</b> Của giảng viên dự kiến tham gia giảng dạy kèm theo photo bằng cấp học vị cao nhất liên quan tới môn học sẽ dạy- 9.3. Cam kết tham gia giảng dạy hoặc hợp đồng giảng dạy giữa giảng viên và đơn vị (đối với giảng viên Việt nam) 9.4. Thư giới thiệu của CSGDNN về việc cử giảng viên sang tham gia dạy kèm theo danh sách trích ngang giảng viên (với giảng viên nước ngoài)	
10	<b>10. BAN ĐIỀU HÀNH</b>	
	10.1. Danh sách thành viên ban điều hành chương trình liên kết đào tạo	

	(đại diện 2 bên, các thành viên khác) 10.2. Sơ yếu lý lịch của người dự kiến được bổ nhiệm làm Giám đốc/ Trưởng ban điều hành chương trình liên kết đào tạo 10.3. Quyết định của đơn vị về việc cử đại diện tham gia ban điều hành	
11	<b>11. CAM KẾT CỦA ĐƠN VỊ</b>	
	11.1. Cam đoan của thủ trưởng (người đại diện) cả 2 phía LKĐT về tính chính xác, hợp pháp của các văn bản pháp lý trong đề án và cam kết thực hiện tốt nếu đề án được phê duyệt (Bản tiếng Anh kèm bản dịch tiếng Việt)	

## HƯỚNG DẪN CHI TIẾT

**Đề án liên kết đào tạo:** Tên đề án phải rõ ràng viết theo hướng dẫn tại điểm a mục 1 điều 11 của quy định này; Trang bìa và trang tiếp theo liền sau trang bìa ghi rõ bằng chữ in hoa:

"HỒ SƠ XIN PHÉP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO BẠC.....CHUYÊN NGÀNH.....GIỮA TRƯỜNG.....THUỘC ĐHTN VỚI TRƯỜNG.....THUỘC NƯỚC....." LOẠI HÌNH LIÊN KẾT.....; (Mẫu bìa/HSLK); Phía dưới trang ghi rõ thời gian: Thái Nguyên ngày.... tháng.....năm.....

1. Đơn xin mở LKĐTQT viết bằng tiếng Việt và tiếng Anh hoặc 1 trong 5 thứ tiếng quốc tế thông dụng, có đủ chữ ký của cả 2 bên liên kết, người ký đơn là người đại diện theo pháp luật của mỗi bên liên kết- mẫu số 2/ĐMLK.)

2. **Thỏa thuận hợp tác hoặc hợp đồng LKĐT** : Xem mẫu số 3/HĐLK

Lưu ý Thỏa thuận hợp tác ghi những thỏa thuận chung, những điều khoản những mang tính chất khung; Hợp đồng thì cần thật cụ thể chi tiết những nội dung thỏa thuận về công việc, quyền lợi, trách nhiệm mỗi bên và điều kiện ràng buộc cho thực hiện đối với mỗi hoạt động

3. **Nội dung đề án liên kết đào tạo**

3.1. *Mục tiêu của chương trình liên kết đào tạo:* ghi rõ mục tiêu đã được thống nhất trong Hợp đồng liên kết đào tạo;

3.2. *Mô hình liên kết đào tạo:* ghi rõ mô hình liên kết theo hình thức học bán phần hay toàn phần tại Việt Nam, Tập trung liên tục hay không liên tục.v.v.;

3.3. *Đối tượng tuyển và điều kiện tuyển sinh:* ghi rõ thi tuyển hay xét tuyển, xét tuyển điểm thi đại học hay điểm học lực phổ thông ghi trong học bạ, từ mấy điểm trở lên; Yêu cầu về văn bằng của ứng viên và phương thức tuyển; Trình độ ngoại ngữ đầu vào theo quy định, trường hợp tuyển đầu vào mà người học chưa đạt theo quy định của Nghị định 73CP thì đề án cần viết rõ kế hoạch thời gian đào tạo ngoại ngữ, kế hoạch thi cấp chứng chỉ ngoại ngữ

3.4. *Chương trình đào tạo:* ghi rõ chương trình của CSGDNN cung cấp hay do 2 bên cùng xây dựng dựa trên khung chương trình gốc của CSGDNN, Giáo trình nào được sử dụng trong giảng dạy, các tài liệu tham khảo;

3.5. *Thời gian đào tạo:* ghi rõ số năm học (không bao gồm thời gian học ngoại

ngữ), số học kỳ học lý thuyết, thực tập và thực tập tốt nghiệp;

3.6. *Địa điểm thực hiện chương trình đào tạo liên kết*: ghi rõ lớp học đặt ở trường nào, tòa nhà nào, tầng mấy;

3.7. *Văn bằng*: ghi rõ tên văn bằng do bên nào cấp, tên cơ sở giáo dục cấp bằng;

3.8. *Quy mô đào tạo*: ghi rõ dự kiến số lượng tuyển sinh mỗi khóa, số khóa dự kiến sẽ tuyển mỗi năm, số năm thực hiện chương trình LKĐT; Kế hoạch tuyển sinh hàng năm trong Hồ sơ đề án phải thể hiện được số lượng sinh viên/ học viên dự kiến tuyển, số lớp dự kiến mở trong 5 năm thực hiện LKĐTQT (*mẫu số 4/ KHST-LK*)

3.9. *Ngôn ngữ giảng dạy*: Ghi rõ ngôn ngữ được sử dụng trong giảng dạy và học tập là tiếng nước nào (Anh, Pháp, Đức hay Trung Quốc.v.v.)

3.10. *Đội ngũ giảng viên tham gia giảng dạy*: Ghi rõ tiêu chí tuyển chọn giảng viên bao gồm cả giảng viên Việt Nam và giảng viên nước ngoài (điều 5, khoản 1 tại quy định này);

Danh sách trích ngang giảng viên dự kiến dạy LKĐTQT (*mẫu số 5/ GV-LK*) kèm Hồ sơ giảng viên; Hồ sơ giảng viên gồm

a) Sơ yếu lý lịch giảng viên (*mẫu số 6/ LLGV-LK*) có chữ ký và ảnh

b) Bản sao văn bằng học vị cao nhất; *Bằng cấp chuyên môn phải phù hợp với chuyên ngành mà giảng viên sẽ dạy; Đối với giảng viên Việt nam phải có thêm bản photo bằng cấp, chứng chỉ minh chứng đủ trình độ ngoại ngữ để giảng dạy;*

c) Cam kết của giảng viên sẽ tham gia giảng dạy cho chương trình hoặc Hợp đồng giảng dạy với giảng viên (đối với giảng viên Việt nam); Cam kết hoặc hợp đồng có thể viết bằng tiếng Việt hoặc tiếng Anh có đủ chữ ký các bên;

d) Danh sách giảng viên kèm thư giới thiệu của CSGDNN (đối với giảng viên của CSGDNN)

Ghi chú: Hồ sơ giảng viên áp dụng cho cả 2 phía và được sắp xếp theo thứ tự giống như hướng dẫn (*Mẫu số 5/ KHGV-LK*)

3.1. *Học phí*: Ghi rõ mức thu học phí toàn khóa, phân bổ tài chính cho các bên

#### **4. Chương trình đào tạo**

Chương trình đào tạo gồm cấu trúc chương trình, đề cương chi tiết từng môn học trong chương trình đó, mục tiêu, yêu cầu kiến thức, kỹ năng

4.1. *Cấu trúc chương trình*: Viết tên môn học bằng cả tiếng Việt và tiếng Anh, nêu rõ tên các môn học cùng thời lượng phân bổ cho các môn học và tổng thời gian đào tạo, số tín chỉ mỗi môn; Chương trình được sử dụng cần có xác nhận từ phía bạn về tính hợp pháp đang được sử dụng dạy cho hệ tập trung tại nước bạn (với chương trình do bạn cấp); Đối với chương trình 2 bên cùng xây dựng dựa trên khung chương trình của CSGDNN cần có chữ ký và xác nhận từ phía CSGDNN cùng tham gia xây dựng;

4.2. *Đề cương chi tiết các môn học*: Đề cương chi tiết các môn học trong chương trình liên kết đào tạo phải thể hiện được là đề cương chương trình gốc hay do 2 bên cùng xây dựng; Đề cương phải thể hiện được tên môn học, số tiết, số đơn vị học trình, số tín chỉ, có thuyết minh mục đích, nội dung, yêu cầu đối với từng chương phần

4.3. *Cách thức tổ chức và quản lý chương trình liên kết đào tạo*: Cơ chế đảm bảo chất lượng; Ngăn ngừa rủi ro và các biện pháp xử lý rủi ro trong trường hợp có rủi ro; giải pháp đảm bảo quyền lợi người học; quyền lợi giảng viên; xử lý nợ .v.v.( nếu có)

**5. Cơ sở vật chất và tài chính** (*viết bằng tiếng Việt*)

a) Cơ sở vật chất phục vụ chương trình liên kết đào tạo (*ghi rõ việc đóng góp của các bên liên kết*);Phía bạn đóng góp những gì? Tiền, giáo trình, tài liệu tham khảo, máy móc thiết bị .v.v; Phía Trường đóng góp những gì? Giảng đường, điện nước, nhân viên, văn phòng làm việc.v.v.

b) Dự kiến thu chi: Ghi rõ các khoản thu, các khoản phải chi, mức chi, phân bổ tài chính cho các bên, phân bổ tài chính đầu tư cho CSVN như khấu hao giảng đường, thiết bị, điện, nước, văn phòng phẩm, phòng làm việc, tiền công giảng viên, nhân viên phục vụ, chi công tham gia quản lý, chi đào tạo nâng cao năng lực giảng viên, nộp thuế theo qui định của Nhà nước, nộp quản lý của Đại học Thái Nguyên và trích các quỹ của đơn vị theo quy định hiện hành (*mẫu 7/KHTC-LK*)

a) Quản lý tài chính (*viết bằng tiếng Việt, ghi rõ các văn bản quy định được áp dụng*). Cơ chế chia sẻ trách nhiệm tài chính và phân phối lợi ích giữa các bên, sử dụng lợi nhuận đầu tư trở lại và thanh lý khi kết thúc chương trình.

**6. Kiểm định chất lượng**

a) Hồ sơ đề án nhất thiết phải có minh chứng kiểm định chất lượng Ngành hoặc Trường đối với CSDGNN tham gia LKĐTQT trong thời gian không quá 5 năm kể từ ngày trình hồ sơ đề án xin mở liên kết;

b) Kiểm định chất lượng đào tạo từ xa (Distance training Programe) hoặc Kiểm định từ xa đều chưa được chấp nhận tại Việt Nam

**7. Văn bằng, chứng chỉ:** Bản photo hợp lệ văn bằng là bản có xác nhận đóng dấu của nhà trường hoặc công chứng *sao y bản chính*

*Mẫu số 1B/HSLK*

<p>ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN TRƯỜNG ĐH KỸ THUẬT CÔNG NGHIỆP</p> <p><b>HỒ SƠ XIN PHÉP</b></p> <p>THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO BẠC THẠC SĨ CHUYÊN NGÀNH ĐIỆN TỬ</p> <p>GIỮA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KTCN THUỘC ĐHTN VỚI TRƯỜNG ĐẠI HỌC KYUNGPOOK HÀN QUỐC</p> <p>LOẠI HÌNH LIÊN KẾT: TOÀN THỜI GIAN TẠI VIỆT NAM</p> <p>THÁI NGUYÊN NGÀY 20 THÁNG 3 NĂM 2014</p>
--

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày ....tháng.....năm.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT  
CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO**

(tiếng Anh hoặc tiếng nước có CSGD liên kết kèm bản tiếng Việt)

Kính gửi: - Đại học Thái Nguyên

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số.....TT-BGD&ĐT ngày..... tháng..... năm.....của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ QĐ số ...../2014/HTQT- ĐHTN ngày.....tháng .... Năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên Quy định quản lý LKĐTQT tại Đại học Thái Nguyên;

Chúng tôi, những người cùng ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết gồm:

**I. Các Bên liên kết:**

1. Bên Việt Nam:.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: ..... Fax:.....

Website:..... Email:.....

Quyết định thành lập:..... tại Ngân hàng:.....

Số tài khoản:.....

Người đại diện:.....

Chức vụ:.....

2. Bên nước ngoài:

Địa chỉ:.....

Điện thoại: ..... Fax:.....

Website:..... Email:.....

Văn bản pháp lý/ Giấy phép đăng ký hoạt động:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Người đại diện:.....

Chức vụ: .....

Đề nghị Giám đốc Đại học Thái Nguyên xem xét, phê duyệt Chương trình liên kết đào tạo cấp bằng ..... ngành ..... chuyên ngành ..... giữa trường ..... và trường/viện ..... với các mục tiêu, phạm vi và thời hạn hoạt động như sau:

1. Mục tiêu và phạm vi của chương trình liên kết đào tạo: (ghi tóm tắt lĩnh vực dự định liên kết đào tạo, trình độ đào tạo, quy mô tuyển sinh hàng năm và văn bằng sẽ cấp trong chương trình liên kết đào tạo).

2. Thời hạn hoạt động của chương trình liên kết đào tạo.

**II. Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và Hồ sơ kèm theo;

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam;

**III. Các tài liệu gửi kèm Đơn này gồm:**

1. Thỏa thuận (Hợp đồng) hợp tác giữa các Bên liên kết đào tạo;

2. Bản sao có chứng thực tư cách pháp lý của các Bên tham gia liên kết;

3. Văn bản chứng minh cơ sở giáo dục Việt Nam và cơ sở giáo dục nước ngoài đã được cơ quan có thẩm quyền cho phép đào tạo trong phạm vi ngành nghề và trình độ dự định liên kết;

4. Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng của chương trình đào tạo nước ngoài hoặc của cơ sở giáo dục nước ngoài do cơ quan có thẩm quyền tại nước sở tại cấp.

5. Văn bản chấp thuận về chủ trương cho phép liên kết đào tạo với nước ngoài của cơ quan chủ quản (đối với cơ sở giáo dục Việt Nam không trực thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo)

6. Đề án liên kết đào tạo.

7. Các văn bản khác (nếu có).....

Bên Việt Nam

Bên nước ngoài

(Ký tên, đóng dấu)  
Ghi rõ họ và tên

(Ký tên, đóng dấu)  
Ghi rõ họ và tên

## HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT

(tiếng Anh hoặc tiếng nước có CSGD liên kết kèm bản tiếng Việt)

Căn cứ Luật Giáo dục được Quốc hội Khóa XIII nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 18/06/ 2012;

Căn cứ nghị định số 73 CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về hợp tác

đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục

Hôm nay ngày..... tháng..... năm..... Tại:.....

A. Bên Việt Nam (gọi là bên A):

1. Tên cơ sở giáo dục .....

2. Người đại diện hoặc được ủy quyền .....

Chức vụ .....

3. Địa chỉ trụ sở chính .....

Điện thoại..... Telex/Fax..... E.mail.....

4. Lĩnh vực đang hoạt động trong ngành giáo dục.....

.....

5. Số giấy phép hay Quyết định thành lập .....

.....

Do cơ quan nào cấp ..... ngày..... tháng ..... năm .... cấp tại .....

Tài khoản mở tại Ngân hàng (tên NH) ..... Số tài khoản .....

B. Bên nước ngoài (gọi là bên B):

1. Tên cơ sở giáo dục.....

2. Người đại diện (hoặc được ủy quyền).....

Chức vụ..... Quốc tịch .....

Số hộ chiếu..... Thời hạn sử dụng.....

Nơi cấp ..... cấp ngày..... tháng..... năm.....

Địa chỉ thường trú.....

3. Trụ sở chính:

Điện thoại..... Telex/Fax..... E.mail.....

Website:.....

4. Lĩnh vực đang hoạt động trong giáo dục: .....

5. Số giấy phép hoặc quyết định thành lập .....

Do cơ quan nào cấp .....

Cấp ngày..... tháng..... năm..... Tại .....

Tài khoản mở tại Ngân hàng (tên NH): .....

Số tài khoản: .....

*Ghi chú: Nếu gồm nhiều thành viên thì từng thành viên sẽ mô tả đầy đủ theo các chi tiết nêu như mục A,B trên; Mỗi Bên sẽ chỉ định đại diện được ủy quyền của mình (nếu có) cùng ký Hợp đồng liên kết hoạt động trong giáo dục, đào tạo với các điều khoản và điều kiện sau đây:*

**Điều 1.** Mục tiêu liên kết trong lĩnh vực giáo dục.....  
(*Nêu chi tiết nội dung và phạm vi liên kết trong giáo dục.*)

**Điều 2.**

1. Địa điểm thực hiện:.....
2. Liên kết đào tạo: ngành nghề..... Bậc đào tạo..... trình độ đào tạo.....
3. Kết quả đạt được trong liên kết. ,.....  
(*Mô tả loại hình liên kết, phương thức phối hợp các bên trong đào tạo, Văn bằng, chứng chỉ ai cấp.v.v.*)
4. Văn phòng điều hành của bên nước ngoài (nếu có):  
- Địa chỉ:.....  
- Điện thoại.....Fax..... Mail..... Website.....

**Điều 3.** Trách nhiệm của các Bên liên kết trong việc thực hiện Hợp đồng:

- a) Bên Việt Nam đóng góp các mục sau (*ghi rõ các khoản đóng góp*).....  
Quy ra bằng ..... USD tương đương ..... VNĐ theo tỷ giá ngày ...tháng.... năm...
- b) Bên nước ngoài đóng góp các mục sau (*ghi rõ các khoản đóng góp*).....  
Quy ra bằng ..... USD tương đương ..... VNĐ theo tỷ giá ngày ...tháng.... năm...

Lưu ý:

- a) *Nếu vào thời điểm đóng góp thực tế những giá trị đóng góp thay đổi với giá trị hiện tại thì các bên liên kết phải có văn bản thỏa thuận về những sửa đổi đó kèm hợp đồng này.*
- b) *Trong trường hợp một bên không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ như đã thỏa thuận thì bên đó phải thông báo bằng văn bản cho các bên kia biết lý do và những biện pháp xử lý trước..... ngày.*
- c) *Thiệt hại thực tế do sự chậm trễ hay không có khả năng thực hiện nghĩa vụ của một bên gây ra, sẽ được bồi thường theo thỏa thuận của các bên và được thể hiện bằng văn bản.*
- d) *Trong trường hợp không thỏa thuận được thì sẽ do cơ quan xét xử quy định tại Điều 16 Hợp đồng này quyết định*

**Điều 4.** Những trách nhiệm, nghĩa vụ khác của các Bên thực hiện Hợp đồng liên kết.

- a) Bên A (*Việt Nam*).....
- b) Bên B (*nước ngoài*).....

**Điều 5.** Quyền lợi các bên tham gia

- a) Bên A (*Việt Nam*).....
- b) Bên B (*nước ngoài*).....

**Điều 6.** Trong quá trình thực hiện Hợp đồng liên kết, các Bên thỏa thuận cơ chế giám sát, thanh tra, kiểm tra như sau.

*(Cần nêu rõ cơ chế giám sát; có thể thành lập Ban điều phối, Văn phòng điều hành.v.v.).*

**Điều 7.** Thời hạn hợp đồng liên kết này là..... năm) kể từ ngày được cấp Giấy phép thành mở liên kết.



**Điều 8.** Kể từ ngày được cấp Giấy phép mở liên kết, Hợp đồng này được thực hiện theo tiến độ sau:

1. Khởi công xây dựng trụ sở từ tháng thứ (nếu có).....
2. Lắp đặt trang thiết bị từ tháng thứ (nếu có) .....
3. Khánh thành (nếu có) .....
4. Khai giảng .....

**Điều 9.** Trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài chính của mỗi Bên theo quy định của pháp luật Việt Nam.

**Điều 10.** Các Bên tham gia Hợp đồng liên kết thỏa thuận về xử lý tài chính (*lợi nhuận, các khoản lỗ*) như sau; .....

**Điều 11.** Các Bên tham gia Hợp đồng liên kết cam kết thực hiện đầy đủ các quy định về tài chính theo nghị định số 73 CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về hợp tác

đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục; Nghị định số 18/2001/NĐ ngày 04 tháng 05 năm 2001 của Chính phủ về lập và hoạt động của CSGD&VH nước ngoài tại Việt nam.

**Điều 12.** Hợp đồng liên kết này có thể chấm dứt hiệu lực trước thời hạn hoặc kết thúc trong các trường hợp sau (*nêu chi tiết*):.....

**Điều 13.** Khi Hợp đồng liên kết hết hạn, các Bên thỏa thuận bằng văn bản việc thanh lý tài sản liên quan đến quyền lợi và nghĩa vụ của các Bên trong Hợp đồng liên kết.

**Điều 14.** Mọi điều khoản khác có liên quan không được quy định cụ thể tại Hợp đồng liên kết này sẽ được các Bên thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam và của Giấy phép mở liên kết.

**Điều 15.** Mọi thay đổi Hợp đồng liên kết trong quá trình thực hiện phải được thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên tham gia liên kết và kèm theo hợp đồng này làm căn cứ thực hiện điều 13;14; 16 của Hợp đồng này.

**Điều 16.** Tranh chấp giữa các Bên tham gia Hợp đồng liên kết hoặc phát sinh từ Hợp đồng trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hòa giải trên tinh thần chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau; Trong trường hợp các Bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra tòa án kinh tế .....

(*Ghi rõ tên và địa chỉ Tòa án hoặc tổ chức trọng tài tại nơi đặt địa điểm liên kết*).

Quyết định của ..... (*tổ chức ghi ở trên*) là chung thẩm và các bên liên kết phải tuân theo.

**Điều 17.** Hợp đồng liên kết này có hiệu lực kể từ ngày được cấp Giấy phép mở liên kết.

**Điều 18.** Hợp đồng liên kết này được ký ngày..... tháng..... năm..... tại..... gồm..... bản gốc bằng tiếng Việt Nam và bằng tiếng ..... (*là 1 trong 5 thứ tiếng Anh, Pháp, Đức, Nga, Trung*).

Cả hai bản tiếng Việt và tiếng ..... đều có giá trị pháp lý như nhau.

Đại diện Bên nước ngoài  
(*Ký, chức vụ, ghi rõ họ tên và dấu*)

Đại diện Bên Việt Nam  
(*Ký, chức vụ, ghi rõ họ tên, dấu*)

**KẾ HOẠCH TUYỂN SINH LKĐTQT HÀNG NĂM**

(kèm theo đề án LKĐTQT)

Ngành ..... Chuyên ngành.....

Bậc đào tạo..... mô hình liên kết.....

TT	Chi tiêu	ĐVT	Năm thứ 1	Năm thứ 2	Năm thứ 3	Năm thứ 4	Năm thứ 5
1	Dự kiến Số đợt tuyển/ năm	Lần					
2	Dự kiến số SV/HV/NCS tuyển/ năm	Người					
3	Dự kiến số lớp mở / năm	Lớp					
4	Thời gian tuyển đợt 1 (từ ngày tháng đến ngày tháng) Thời gian tuyển đợt 2 (từ ngày tháng đến ngày tháng)	Đợt					
5	Thời gian dự kiến khai giảng và học	Ngày/ tháng					

Thủ trưởng  
đơn vị đào tạo  
(ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biểu  
(ký, ghi rõ họ tên)

**DANH SÁCH GIẢNG VIÊN DỰ KIẾN DẠY LKĐTQT**

(kèm theo đề án LKĐTQT)

Ngành..... Chuyên ngành.....

TT	Họ tên	Năm sinh	Quốc tịch	Trình độ Chuyên môn	Chuyên ngành	Dự kiến môn giảng
A	Giảng viên nước ngoài					
B	Giảng viên Việt nam					

**Ghi chú:**

- Xếp giảng viên nước ngoài trước, giảng viên Việt nam sau hoặc lập riêng thành 2 bảng (bảng 1: giảng viên NN; bảng 2 giảng viên Việt nam)
- Xếp thứ tự hồ sơ giảng viên theo mẫu VD sau:

VD: Xếp thứ tự như sau

A	Giảng viên Nước ngoài	Thư giới thiệu kèm danh sách (với GVNN)
1	Ông A	a) Sơ yếu lí lịch (Bản tiếng gốc) + bản dịch tiếng Việt b) Bằng phôi tô (Bản tiếng gốc) + bản dịch tiếng Việt
2	Bà B	a) Sơ yếu lí lịch (Bản tiếng gốc) + bản dịch tiếng Việt b) Bằng phôi tô (Bản tiếng gốc) + bản dịch tiếng Việt
	.....	.....

B	Giảng viên Việt Nam	
3	Ông C	a) Sơ yếu lí lịch (Bản tiếng gốc) b) Bằng phôi tô (Bản tiếng gốc) c) Bản cam kết có chữ ký tươi
	Bà D	a) Sơ yếu lí lịch (Bản tiếng gốc) b) Bằng phôi tô (Bản tiếng gốc) c) Bản cam kết có chữ ký tươi
	.....	.....

Mẫu số 6 /LLGV-LK

## SƠ YẾU LÍ LỊCH GIẢNG VIÊN

### Curriculum vitae

(CV chỉ nên viết ngắn gọn không quá 2 trang - *only 2 pages*)

- Họ tên.....tuổi....., Quốc tịch.....  
(Full name) (Age) (Nationality)
- Nơi sinh Quận/ huyện.....tỉnh.....Quốc gia.....  
(Place of born: (District) (Province) (National)
- Nơi làm việc hiện nay.....  
(Working place)
- Công việc chính đang làm.....  
(Responsibility)
- Số CMT/ Hộ chiếu.....Số điện thoại/ Email để liên hệ: .....  
(Identification N<sup>o</sup>/ Passport N<sup>o</sup>) (Handphone/ email address)
- Quá trình đào tạo: viết theo thứ tự thời gian  
(Academics training)

Ảnh  
4x6

TT	Bậc học (Level)	Thời gian học (Duration Study) (From m/y to m/y)	Nơi học (Training Place)	Chuyên ngành học (Disciplinary)
1	Đại học (Undergraduate)			
2	Thạc sĩ (Master)			
3	Tiến sĩ (Doctor)			
4	Sau Tiến sĩ (Post doctor)			
5	Đào tạo ngắn hạn khác (Other short training courses)			

- Kinh nghiệm làm việc: (viết theo thứ tự thời gian)  
(Working experience)

TT	Tên công việc và Chức vụ đảm nhận (Job title)	Nơi làm việc (Working Place)	Thời gian làm (Duration)	Tên người lãnh đạo trực tiếp, điện thoại/ email (Contact person who in charge linked your work- name, tele, email)
1				
2				

- Nghiên cứu khoa học (viết theo thứ tự thời gian)  
(Research results)

TT	Tên công trình khoa học/ đề tài nghiên cứu (Title of project)	Thời gian thực hiện (Duration)	Kết quả chính đã đạt được (Main results)	Tên người lãnh đạo trực tiếp, điện thoại/ email (Contact person who in charge linked your work- name, tele, email)
1				
2				

9. Những lĩnh vực công việc thường quan tâm và một vài kết quả nổi bật đã đạt được (viết theo thứ tự thời gian).....

.....Ngày... tháng .....năm.....  
 Người viết ký, ghi rõ tên

*Mẫu số 7/KHTC-LK*

## DỰ KIẾN THU CHI TÀI CHÍNH LKĐTQT

Chương trình.....Ngành.....

### PHẦN DỰ TOÁN THU

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Tiêu mục	Khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ trọng %
		Học phí toàn khóa					
		Học phí học tại ĐHTN					
		Học phí học tại nước ngoài (với LKĐTNN bán thời gian)					
		Lệ phí dịch vụ (nếu có)					

### PHẦN DỰ TOÁN CHI

Đơn vị tính: VNĐ

TT	Tiêu mục	Khoản mục	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Tỷ trọng %
<b>I</b>		<b>Lập đề án, đọc sửa, phản biện và phê duyệt đề án</b>					
	1.1	Công lập đề án					
	1.2	Công đọc góp ý kiến, phản biện,					
	1.3	Hội đồng thẩm định xét duyệt					
	1.4	Chuẩn bị, Tuyển sinh, xếp lớp.v.v.					
<b>II</b>		<b>Chi cho trực tiếp giảng dạy</b>					Không thấp hơn 30%
	2.1	Giảng viên Nước ngoài					
	2.2	Giảng viên Việt nam					
	2.3	Trợ giảng ( nếu có)					
		Hướng dẫn luận văn, luận án tốt nghiệp					7- 9%
<b>III</b>		<b>Chi đi lại, ăn ở cho giảng viên nước ngoài và giảng viên trong nước ( các mục này tùy thuộc vào thỏa thuận)</b>					
	3.1	vé máy bay khứ hồi					20-25%
	3.2	Nhà ở,					
	3.3	Lệ phí vi sa					
	3.4	Đi lại nội địa					
	3.5	Mua bảo hiểm (y tế, tai nạn.v.v.)					

IV		<b>Giáo trình, tài liệu tham khảo của học viên, giảng đường, thiết bị phục vụ giảng dạy (các mục này tùy thuộc vào thỏa thuận)</b>				
	4.1	Bản quyền giáo trình, tài liệu tham khảo				
	4.2	Trích khấu hao (hoặc thuê) giảng đường cho lớp học				
	4.3	Tiền điện nước, điện thoại giao dịch				
	4.4	Khấu hao máy móc phục vụ giảng dạy				
		.....				
V		<b>Nộp thuế và Quản lý (theo thỏa thuận và quy định tại QĐ 471/ĐHTN)</b>				
	5.1	Trả phía đối tác (nếu có)				
	5.2	Nộp Đơn vị đào tạo (Trường/ Khoa)				12.5
	5.3	Nộp Đại học Thái Nguyên				5
	5.4	Thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của nhà nước				2
			Thuế thu nhập các nhân (20% với người NN, 10% với trong nước)			
VI		<b>Các khoản chi khác</b>				
	6.1	Chi tạo nguồn, chi trả đối tác thứ 3 (nếu có)				
	6.2	Khai giảng, bế giảng, phát bằng				
	6.3	Lương nhân viên văn phòng LKĐTQT (nếu có)				
	6.4	Tích lũy, Phát triển chương trình .v.v				
	6.5	Quỹ dự phòng giải quyết các phát sinh				

Lưu ý:

- Tùy theo thỏa thuận với từng đối tác, mỗi chương trình có thể thêm/ bớt một vài mục trong bảng này, mức thanh toán cho các khoản cũng có thể được điều chỉnh cụ thể.
- Khoản mục II & III có thể điều chỉnh cao hoặc thấp hơn chút ít tùy theo điều kiện thực hiện và đối tác cụ thể tuy nhiên không thể điều chỉnh quá nhiều;
- Khoản mục V là quy định với nước ngoài cấp bằng, các loại hình LKĐT khác thực hiện theo quy định tại QĐ.....ĐHTN

Mẫu số 8/ BCK- LK

### CAM KẾT CỦA HIỆU TRƯỞNG

Chúng tôi gồm (1):

- Họ tên..... Chức vụ ..... Đại diện cho.....
- Họ tên..... Chức vụ ..... Đại diện cho.....

1. Cam kết các tài liệu trong Hồ sơ đề án xin mở LKĐTNN là trung thực và là tài liệu gốc được trường (2)..... cung cấp, những tài liệu không phải là tiếng Việt được dịch đúng nội dung;
2. Trường.....(3) đã đến thăm quan kiểm tra điều kiện CSVC, giảng viên của CSGDNN là trường .....(2), khẳng định CSVC, đội ngũ giảng viên đủ điều kiện để thực hiện tốt chương trình hợp tác LKĐTNN này;
3. Hai (hoặc các bên) bên cam kết sẽ thực hiện đúng thỏa thuận hợp tác;
4. Cam kết sẽ triển khai đúng kế hoạch, đúng nội dung đề án nếu được giám đốc Đại học Thái Nguyên phê duyệt và cấp phép;

.....ngày.....tháng.....năm.....

Đại diện đối tác

Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên

Đại diện đơn vị

Ký tên đóng dấu, ghi rõ họ tên

Note:

- Đối với đề án hợp tác 2 đơn vị trở lên cùng tham gia thì phải có đủ chữ ký của thủ trưởng tất cả các bên tham gia
- (1) là người đại diện đứng tên trong đơn xin mở LKĐTNN
- (2) Là tên trường đối tác liên kết
- (3) là tên đơn vị đào tạo thuộc ĐHTN nơi xin đặt địa điểm LKĐTNN

Mẫu số 9A/XGH - LK

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

*Thái nguyên, ngày .... tháng..... năm.....*

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT GIA HẠN**  
**CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO**

Kính gửi: Đại học Thái Nguyên.

Các Ban.....

Căn cứ Luật giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục ngày 25 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục;

Căn cứ Thông tư số..... TT-BGD&ĐT ngày..... tháng ..... năm ..... của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục,

Căn cứ QĐ số ..../2014/HTQT- ĐHTN ngày... tháng ... năm 2014 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên Quy định quản lý LKĐTQT tại Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ kết quả thực hiện Chương trình liên kết đào tạo cấp bằng.....giữa.....và.....đã được.....phê duyệt tại QĐ số...../ĐHTN ngày...../...../.....,

Chúng tôi, những người cùng ký tên dưới đây, đại diện cho các Bên tham gia liên kết gồm:

**I. Các Bên liên kết:**

**1. Bên Việt Nam:**.....

Địa chỉ:.....

Điện thoại: ..... Fax:.....

Website:..... Email:.....

Quyết định thành lập:.....

Số tài khoản:..... tại Ngân hàng:.....

Người đại diện:.....

Chức vụ:.....

**2. Bên nước ngoài:**

Địa chỉ:.....

Điện thoại: ..... Fax:.....

Website:..... Email:.....

Văn bản pháp lý/ Giấy phép đăng ký hoạt động:.....

Số tài khoản:..... Tại Ngân hàng:.....

Người đại diện:.....

Chức vụ: .....đề nghị.....

phê duyệt gia hạn Chương trình liên kết đào tạo nêu trên trong thời hạn từ tháng.... năm.....đến tháng....năm.....

**II. Chúng tôi xin cam kết:**

1. Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị và Hồ sơ kèm theo.

2. Chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam.

**III. Các tài liệu gửi kèm theo:**

1. Báo cáo tổng kết quá trình tổ chức thực hiện chương trình Liên kết đào tạo đã được cấp phép.

2. Thỏa thuận (Hợp đồng) tiếp tục thực hiện liên kết đào tạo (*bản tiếng Anh và bản tiếng Việt*)

3. Bản đề án photo đã được phê duyệt tại QĐ số.../...ngày...tháng...năm.... có đóng dấu giáp lai của trường (với đề án không có sự điều chỉnh); Bản đề án đã chỉnh sửa bổ sung từ đề án đã được phê duyệt tại QĐ số.../.... ngày... tháng... năm .... (với đề án cần phải bổ sung, chỉnh sửa)

4. Kiến nghị các nội dung cần điều chỉnh trong Quyết định phê duyệt thực hiện Chương trình liên kết đào tạo (nếu có) và giải trình.

Bên Việt Nam

Bên nước ngoài

(Ký tên, đóng dấu)  
Ghi rõ họ và tên

(Ký tên, đóng dấu)  
Ghi rõ họ và tên

**HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG BÁO CÁO  
ĐỀ NGHỊ PHÊ DUYỆT GIA HẠN CHƯƠNG TRÌNH LIÊN KẾT ĐÀO TẠO**

Mẫu số 9B/BCGH - LK

BỘ, NGÀNH CƠ QUAN CHỦ QUẢN<sup>1</sup>  
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO VIỆT NAM<sup>2</sup>

Số: / .....<sup>3</sup> .....-.....<sup>4</sup> .....

V/v báo cáo tổng kết công tác thực hiện  
chương trình LKĐT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

.....<sup>5</sup> ....., ngày..... tháng..... năm.....

**Kính gửi:** - .....

- .....

Căn cứ Điểm b Khoản 3 Điều 17 Nghị định số 73/2012/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2012 của Chính phủ quy định về hợp tác, đầu tư của nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục, .....<sup>6</sup> ..... xin báo cáo tổng kết về công tác tổ chức thực hiện chương trình liên kết đào tạo với .....<sup>7</sup> ..... cấp bằng .....<sup>8</sup> ....., cụ thể như sau:

**I. Tình hình triển khai thực hiện Chương trình liên kết đào tạo**

**1. Công tác tuyển sinh**

- Mô tả phương thức, tiêu chí tuyển chọn sinh viên/học viên Chương trình liên kết đào tạo.
- Số khóa đã tuyển sinh.

<sup>1</sup> Tên cơ quan, tổ chức chủ quản trực tiếp.

<sup>2</sup> Tên cơ sở đào tạo Việt Nam thực hiện chế độ báo cáo.

<sup>3</sup> Ký hiệu văn bản, chữ viết tắt tên cơ sở đào tạo Việt Nam thực hiện chế độ báo cáo.

<sup>4</sup> Chữ viết tắt tên đơn vị (phòng, ban, tổ, bộ phận chức năng) soạn thảo báo cáo.

<sup>5</sup> Địa danh

<sup>6</sup> Tên cơ sở đào tạo Việt Nam thực hiện chế độ báo cáo.

<sup>7</sup> Tên cơ sở đào tạo nước ngoài.

<sup>8</sup> Trình độ và chuyên ngành liên kết đào tạo.



- Tổng số sinh viên/học viên đã trúng tuyển theo từng khóa (kèm theo danh sách trích ngang trong Phụ lục).

- Tổng số sinh viên/học viên đã trúng tuyển (kèm theo danh sách trích ngang trong Phụ lục).

**2. Chương trình đào tạo:** Ghi rõ thời gian đào tạo, thời lượng chương trình đào tạo toàn khóa, thời lượng chương trình đào tạo từng giai đoạn (nếu là chương trình liên kết đào tạo bán phần).

- Phương pháp đánh giá các môn học và điều kiện tốt nghiệp.

### **3. Giảng viên chương trình liên kết đào tạo**

- Tiêu chí tuyển chọn giảng viên tham gia giảng dạy chương trình liên kết đào tạo.

- Tổng số giảng viên cơ hữu Bên Việt Nam tham gia giảng dạy.

- Tổng số giảng viên cơ hữu Bên nước ngoài tham gia giảng dạy.

**4. Học viên chương trình liên kết đào tạo** (kèm theo danh sách trích ngang đính kèm trong Phụ lục)

- Tổng số sinh viên/học viên đang theo học.

- Tổng số sinh viên/học viên đủ điều kiện được học chuyển tiếp (nếu có).

- Tổng số sinh viên/học viên đã thôi học hoặc không đủ điều kiện tiếp tục theo học.

- Tổng số sinh viên/học viên đã tốt nghiệp, tỉ lệ học viên tốt nghiệp.

### **5. Cơ sở vật chất phục vụ chương trình liên kết đào tạo tại Việt Nam**

- Số lượng, diện tích phòng học đã sử dụng.

- Thư viện, số đầu sách tham khảo cho chương trình liên kết đào tạo.

- Phòng thí nghiệm, xưởng thực hành...(nếu có).

- Các cơ sở tiếp nhận thực tập của sinh viên/học viên trong quá trình tham gia đào tạo.

### **6. Biện pháp giám sát, đảm bảo chất lượng đào tạo**

- Các biện pháp nâng cao chất lượng đào tạo.

- Phương pháp quản lý giám sát hồ sơ sinh viên/học viên.

- Phương pháp quản lý sinh viên/học viên trong quá trình đào tạo.

- Các biện pháp hỗ trợ sinh viên/học viên trong quá trình tham gia chương trình liên kết đào tạo và sau khi tốt nghiệp.

- Mức độ hài lòng của sinh viên/học viên đối với chương trình liên kết đào tạo trong quá trình đào tạo.

- Đánh giá của doanh nghiệp, nhà tuyển dụng đối với khả năng thích ứng công việc của sinh viên/học viên tốt nghiệp chương trình liên kết đào tạo.

### **7. Tài chính**

- Mức học phí, các khoản được hỗ trợ, các khoản hỗ trợ sinh viên kèm Bản quyết toán thu chi hàng năm đối với chương trình liên kết đào tạo.

## II. Đánh giá chung

1. Thuận lợi:

2. Khó khăn:

3. Tự đánh giá về mức độ thành công của Chương trình:

## III. Kiến nghị và đề xuất

## IV. Các phụ lục kèm theo Báo cáo

1. Bảng tổng hợp thông tin chung về chương trình liên kết đào tạo (theo mẫu tại Phụ lục 6).
2. Quyết định phê duyệt chương trình liên kết đào tạo.
3. Khung chương trình đào tạo ghi rõ tên môn học và thời lượng từng môn.
4. Thông báo tuyển sinh từng khóa.
5. Danh sách trích ngang ứng viên dự tuyển từng khóa.
6. Quyết định công nhận sinh viên/học viên trúng tuyển từng khóa, kèm theo danh sách trích ngang.
7. Danh sách trích ngang đội ngũ giảng viên, học vấn, trình độ ngoại ngữ và môn học tham gia giảng dạy từng khóa.
8. Lịch trình giảng dạy /thời khóa biểu từng khóa.
9. Quyết định/thông báo danh sách sinh viên/học viên hoàn thành chương trình đào tạo trong nước, đủ điều kiện được học chuyển tiếp đối với từng khóa (nếu có).
10. Danh sách sinh viên/ học viên đã thôi học hoặc không đủ điều kiện tiếp tục theo học từng khóa.
11. Danh sách sinh viên/ học viên đã tốt nghiệp từng khóa, kết quả học tập từng môn, kết quả thi/luận văn cuối khóa, xếp loại tốt nghiệp (nếu có).
12. Bản sao tổng hợp kết quả thu chi, quyết toán từng khóa đào tạo của chương trình liên kết đào tạo.

Nơi nhận:

- Như trên;
- .....
- .....
- Lưu: ....

### ĐẠI DIỆN CÁC BÊN LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

BÊN VIỆT NAM

(chức vụ)

Họ và tên

BÊN NƯỚC NGOÀI

(chức vụ)

Họ và tên

## PHẦN PHỤ LỤC II

### BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN LKĐTQT HÀNG NĂM

(Đợt tuyển sinh.....năm.....)

1. Các báo cáo tình hình thực hiện LKĐTQT định kỳ được gửi tới các Ban sau
  - a) Ban HTQT - đầu mối phối hợp các đơn vị liên quan thực hiện
  - b) Ban Đào tạo – đối với bậc ĐH để kiểm tra, giám sát, phối hợp thực hiện nội dung, kế hoạch giảng dạy và đảm bảo chất lượng giáo dục
  - c) Ban đào tạo Sau Đại Học - đối với bậc thạc sĩ và Tiến sĩ để kiểm tra, giám sát, phối hợp thực hiện nội dung, kế hoạch giảng dạy và đảm bảo chất lượng giáo dục
  - d) Ban công tác HSSV- đối với tất cả các bậc học để kiểm tra, giám sát, phối hợp thực hiện chính sách người nước ngoài (LHS) và quản lý LHS vào học tại ĐHTN

Mẫu số 10A /BCTS-LK

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Thái Nguyên, ngày..... tháng..... năm ...

### DANH SÁCH HỌC VIÊN TRÚNG TUYỂN VÀO HỌC CHƯƠNG TRÌNH LKĐTQT

(Áp dụng cho sinh viên Việt nam)

Lớp.....Khóa.....Chuyên ngành.....Bậc đào tạo.....  
Thời gian đào tạo từ tháng...../ năm...../.....đến ...../...../.....

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Dân tộc	Địa chỉ/ hộ khẩu thường trú trước khi nhập học	Điểm xét tuyển (nếu có)

Thủ trưởng  
đơn vị đào tạo  
(ký, ghi rõ họ tên)

Người lập biểu  
(ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Thái Nguyên, ngày..... tháng..... năm ...

**DANH SÁCH NGƯỜI NƯỚC NGOÀI TRÚNG TUYỂN VÀO HỌC**  
**CHƯƠNG TRÌNH LKĐTQT**  
(Áp dụng cho sinh viên người nước ngoài)

Ngành.....Chuyên ngành.....Bậc đào tạo.....  
Thời gian đào tạo từ...../...../.....đến ngày .....tháng..... năm.....

TT	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Theo chương trình/ dự án	Điểm xét tuyển (nếu có)

**Thủ trưởng đơn vị đào tạo**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Thái Nguyên, ngày..... tháng..... năm ...

**KẾ HOẠCH ĐÀO TẠO HÀNG NĂM CỦA CHƯƠNG TRÌNH LKĐTQT**

Tên lớp.....Khóa học.....Ngành.....Chuyên ngành.....  
Bậc đào tạo..... Địa điểm học.....

TT	Tên môn học	Thời lượng học	Số tín chỉ	Thời gian học dự kiến

**Thủ trưởng đơn vị đào tạo**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN  
TRƯỜNG.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày..... tháng..... năm ...

**KẾ HOẠCH PHÂN CÔNG GIẢNG VIÊN**

Lớp.....Khóa học.....Chuyên ngành..... Bậc đào tạo.....  
Địa điểm học..... Thuộc Chương trình liên kết với.....

Số TT	Họ và tên giảng viên	Học hàm/ học vị,	Ngành, chuyên ngành	Dạy môn	Số tín chỉ

**Thủ trưởng đơn vị đào tạo**  
(ký, ghi rõ họ tên)

**Người lập biểu**  
(ký, ghi rõ họ tên)

### PHỤ LỤC III

*Bảng 1/ CNN-LK*

#### BẢNG QUY ĐỔI CHUẨN TRÌNH ĐỘ NGOẠI NGỮ TIẾNG ANH ĐƯỢC CÔNG NHẬN TẠI ĐHTN

*Căn cứ Quyết định số 66/2008/QĐ – BGDDT ngày 2 tháng 12 năm 2008 của Bộ GD&ĐT; Thông báo số 681/TB-BGDĐT ngày 30 tháng 5 năm 2013 về việc “Thông báo Kết luận của Thứ trưởng Nguyễn Vinh Hiển tại cuộc họp về dự thảo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam”, Khung Trình độ Châu Âu (CEFR)*

Khung tham chiếu CEFR	IELTS	TOEIC	TOEFL PBT	TOEFL CBT	TOEFL IBT	Cambridge Tests	Chuẩn VN
C2	7.5+	910+	600+	250+	100+	45 - 59 CPE 80 - 100 CAE	6
C1	7.0 6.5	850	577 540	236 213	95 80	60 - 79 CAE 80 - 100 FCE	5
B2	6.0 5.0	600-	527 480	197 173	71 61	60 - 79 FCE 80 - 100 PET	4
B1	4.5 4.0	450	477 450	153 126	53 42	45 - 59 FCE 65 - 79 PET 90 - 100 KET	3
A2	3.5 3.0	400	340	96	31	45 - 64 PET 70 - 89 KET	2
A1	< 3.0	< 400	< 340	< 96	< 31	45- 69 KET	1
Pass	Top Score 9	Top Score 990	Top Score 677	Top Score 300	Top Score 120	Pass	Pass

#### Một số chứng chỉ ngoại ngữ khác quy đổi tương đương

TT	Cấp độ CEFR	Tiếng Nga	Tiếng Pháp	Tiếng Đức	Tiếng Trung	Tiếng Nhật
1	B1	TRKI -1	DELFB1 TCF Niveau 3	B1 DZ	SHK3	JLPT N4
2	B2	TRKI -2	DELFB1 TCF Niveau 4	B2 Test DaF4	SHK4	JLPT N3